

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH**

**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH**

**ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BẰNG SƠ ĐỒ  
ĐỐI VỚI MÔN HỌC LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP  
GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH**

**Ngành : Giáo dục học  
Mã số : 9140101**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC**

**BẮC NINH – 2020**

**Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS. Đông Văn Triệu  
2. TS. Trần Trung**

**Phản biện 1: GS. TS. Lâm Quang Thành  
Viện Khoa học TDTT**

**Phản biện 2: PGS.TS. Vũ Chung Thủy  
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh**

**Phản biện 3: GS. TS. Nguyễn Xuân Sinh  
Trường Đại học SP TDTT Hà Nội**

**Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ tại:  
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh  
*Vào hồi giờ ngày tháng năm 2020***

**Có thể tìm luận án tại:**

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

## A. GIỚI THIỆU LUẬN ÁN

### MỞ ĐẦU

**Tính cấp thiết:** Môn học Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất (LL & PP GDTC) là một trong những môn học lý thuyết quan trọng nằm trong chương trình đào tạo của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, trang bị cho SV những kiến thức về bản chất của thể dục thể thao (TDTT), về phương pháp tổ chức các quá trình giáo dục thể chất, hình thành kỹ năng vận dụng lý luận - phương pháp vào thực tiễn hoạt động TDTT và hình thành niềm tin, tình cảm nghề nghiệp cho GV TDTT tương lai.

Vấn đề nghiên cứu đổi mới PPDH luôn được các GV môn LL & PPGDTC quan tâm và tiến hành thường niên. Thực tế cho thấy PPDH hiện nay đang được các GV sử dụng tương đối đa dạng và phong phú, đã kết hợp giữa các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại nhằm phát huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm của từng phương pháp. Những PPDH mà GV bộ môn thường áp dụng có thể kể đến đó là: thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm, xêmina, thực hành... và chủ yếu giảng dạy theo hình thức ‘cuốn chiếu’ dạy lần lượt từng bài, khi SV nắm vững kiến thức thì sẽ chuyển sang bài tiếp theo. Cách dạy học này rất phù hợp với phương thức đào tạo niên chế: khi thời lượng học tập trên lớp nhiều, GV có điều kiện dạy kỹ từng bài cũng như có thời gian hướng dẫn SV thực hành các kiến thức ngay sau mỗi bài học. Vì vậy, chất lượng môn học luôn được đảm bảo, thể hiện ở kết quả học tập của sinh viên tương đối cao.

Tuy nhiên, bắt đầu từ năm học 2015- 2016, Nhà trường thay đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang dạng tín chỉ, thời lượng học tập trên lớp giảm đi đáng kể thì những PPDH đang sử dụng theo kiểu liệt kê, dàn trải không còn phù hợp nữa. Cần phải nghiên cứu ứng dụng những PPDH mới sao cho có thể trang bị cho SV toàn bộ kiến thức cơ bản một cách nhanh nhất thông qua hệ thống sơ đồ, trên cơ sở đó, dành thời gian phân tích chi tiết những nội dung quan trọng cần nhấn mạnh trong bài học. Có như vậy, mới có thể giúp SV hiểu sâu vấn đề và kích thích tính tích cực học tập của các em.

Phương pháp dạy học bằng sơ đồ là một trong những PP có nhiều ưu điểm trong dạy học đại học hiện nay, nó là phương án độc đáo để giải quyết mâu thuẫn giữa khối lượng kiến thức cần trang bị lớn mà thời lượng dạy học trên lớp lại ít. Có thể coi sơ đồ là một công cụ hữu ích trong dạy học đại học, nói riêng là đối với môn học LL & PPGDTC ở Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Vấn đề nghiên cứu đổi mới PPDH ở Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã được tiến hành thường xuyên bởi nhiều tác giả. Tuy nhiên chưa có công trình nào đề cập tới ứng dụng PPDH bằng sơ đồ. Nghiên cứu ứng dụng PPDH bằng sơ đồ đối với môn học LL & PP GDTC cho SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần phát huy tối đa tính ưu việt trong dạy và học của người thầy và người trò.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Ứng dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ đối với môn học Lý luận và phương pháp GDTC cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh”

### MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Thông qua đánh giá thực trạng dạy và học môn LL & PP GDTC, luận án xây dựng quy trình ứng PPDH bằng sơ đồ đối với môn học LL & PP GDTC cho SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh nhằm nâng cao chất lượng dạy học của môn học nói riêng và chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung.

### NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

Để đạt được mục đích nghiên cứu, chúng tôi tiến hành giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Nhiệm vụ 1. Đánh giá thực trạng dạy và học môn LL & PP GDTC ở Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Nhiệm vụ 2. Xây dựng quy trình ứng dụng PPDH bằng sơ đồ đối với môn học LL & PP GDTC cho SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Nhiệm vụ 3. Đánh giá hiệu quả PPDH bằng sơ đồ đối với môn học LL & PPGDTC cho SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

### Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

*Đối tượng nghiên cứu:*

Ứng dụng PPDH bằng sơ đồ đối với môn học LL & PP GDTC cho SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Khách thể nghiên cứu: SV khóa 52 ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Phạm vi nghiên cứu

Số lượng mẫu nghiên cứu: SV khóa 52 (N = 179), ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Phạm vi không gian nghiên cứu: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Phạm vi thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 9 năm 2019.

### NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Luận án đã cung cấp cơ sở lý luận về PPDH đại học, góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề về dạy học theo hướng tích cực hóa người học, đó là: Quan điểm về PPDH, PPDH đại học, những PPDH đại học đang được sử dụng hiện nay.

Đặc biệt, luận án đã cung cấp cơ sở lý luận về PPDH bằng sơ đồ cũng như quy trình vận dụng nó trong dạy và học môn LL & PPGDTC, góp phần nâng cao chất lượng môn học. Đây là một đóng góp mới mà từ trước đến nay chưa có luận án nào nghiên cứu.

Luận án đã đánh giá được thực trạng dạy và học môn LL&PP GDTC ở Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, làm cơ sở để GV có định hướng đổi mới PPDH sao cho phù hợp. Luận án đã xây dựng quy trình vận dụng PPDH bằng sơ đồ nhằm hướng dẫn GV cách thức sử dụng PPDH này trong dạy học LL & PP GDTC nói riêng và có thể vận dụng sang các môn học khác nói chung.

## CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Luận án gồm 139 trang A4: Gồm các phần: Mở đầu (07 trang); Chương 1 - Tổng quan các vấn đề nghiên cứu (34 trang); Chương 2 - Phương pháp tổ chức nghiên cứu (6 trang); Chương 3 - Kết quả nghiên cứu và bàn luận (88 trang); Kết luận và kiến nghị (02 trang). Luận án sử dụng 98 tài liệu, trong đó có 85 tài liệu văn bản quy phạm pháp luật, sách, đề tài, luận án, 9 tài liệu nước ngoài bằng tiếng Anh và 2 địa chỉ website. Ngoài ra, còn có 32 biểu bảng và 6 biểu đồ và 7 sơ đồ.

### B. NỘI DUNG LUẬN ÁN

#### CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

- 1.1. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học
- 1.2. Phương pháp dạy học đại học
- 1.3. Một số phương pháp dạy học đại học đang được sử dụng ở Việt Nam
- 1.4. Phương pháp dạy học bằng sơ đồ trong dạy học đại học
- 1.5. Một số công trình nghiên cứu có liên quan

#### Kết luận chương

Quá trình nghiên cứu tổng quan, chúng tôi rút ra các kết luận sau:

Định hướng đổi mới PPDH đại học nói riêng đang là một trong vấn đề quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Điều đó được thể hiện rõ rệt trong các văn kiện của Đảng. Lĩnh hội chủ trương đó, có rất nhiều các tác giả đã nghiên cứu, ứng dụng các PPDH tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường các cấp nói chung.

Qua nghiên cứu về lý luận và thực tiễn, chúng tôi cho rằng: PPDH ĐH là cách thức tương tác giữa thầy và trò trong quá trình truyền thụ và lĩnh hội kiến thức, nhằm vận dụng linh hoạt những kiến thức đã tiếp thu được vào thực tiễn nghề nghiệp sau này của SV.

Hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã sử dụng các PPDH rất đa dạng và phong phú, kết hợp giữa PPDH truyền thống và PPDH tích cực, điều đó đã tạo nên những thành công nhất định, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục bậc đại học nói riêng và các bậc học nói chung.

Phương pháp dạy học bằng sơ đồ là kiểu DH trong đó nội dung kiến thức được sơ đồ hóa, GV và học sinh sử dụng sơ đồ để hỗ trợ các hoạt động dạy và học, giúp người học hiểu được bản chất của các sự vật, hiện tượng liên quan đến nội dung, nhiệm vụ dạy học dựa vào sơ đồ của chúng.

Phương pháp dạy học bằng sơ đồ có nhiều ưu điểm trong dạy học đại học: phát huy được tối đa năng lực sáng tạo của người dạy, để phát huy tính tích cực của người học, kiến thức được biểu diễn dưới dạng sơ đồ, ngắn gọn dễ nhớ. SV sẽ dễ dàng hơn trong việc phát triển ý tưởng, tìm tòi, lĩnh hội và xây dựng kiến thức mới. Người học khám phá tri thức mới theo trình tự logic của sơ đồ, giúp người học hiểu được bản chất quy luật, nhờ vậy thuận lợi cho quá trình tái hiện tri thức khi cần thiết.

Việc vận dụng lý thuyết sơ đồ vào quá trình dạy học ở Việt Nam từ lâu đã được các nhà giáo dục học quan tâm nghiên cứu và đưa nó vào thực tế giảng dạy. Tuy nhiên đến nay việc sử dụng sơ đồ để dạy học vẫn chưa được ứng dụng ở diện

rộng và chưa thực sự trở thành PPDH phổ biến, đặc biệt là trong Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, ở môn LL & PPGDTC, chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu về vận dụng phương pháp sơ đồ để soạn giảng cũng như ứng dụng trong quá trình dạy học.

Sử dụng sơ đồ kiến thức là hướng đổi mới PPDH và học tập phù hợp tính đặc thù đối với môn học LL & PPGDTC và phù hợp đối tượng SV Đại học TDTT Bắc Ninh.

### CHƯƠNG 2 - PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

**2.1. Phương pháp nghiên cứu:** Quá trình nghiên cứu luận án sử dụng 6 phương pháp khoa học thường quy trong nghiên cứu khoa học TDTT gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm; phương pháp khiếm tra sự phạm; Phương pháp thực nghiệm sự phạm; Phương pháp toán học thống kê.

#### 2.2. Tổ chức nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2019 và chia thành 03 giai đoạn.

### CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

**3.1. Đánh giá thực trạng dạy và học môn Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất ở Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh.**

#### 3.1.1. Thực trạng nội dung chương trình môn học

Môn học LL & PP GDTC là một trong hai môn thi cuối khóa của SV đại học TDTT, là môn thi tuyển đầu vào hệ đào tạo Thạc sĩ, là môn học nằm trong chương trình thi GV phổ thông dạy giỏi các cấp, thi nâng ngạch dành cho huấn luyện viên thể thao. Với vị trí vai trò quan trọng đó, LL & PP GDTC được đưa vào giảng dạy ngay từ khi thành lập trường, và được tiến hành giảng dạy chung cho tất cả các đối tượng.

Nội dung chương trình môn học LL & PP GDTC bao gồm 7 chương (mặc dù trong giáo trình có 9 chương nhưng nội dung chương 2 và chương 9 không thuộc kiến thức GDTC không tiến hành giảng dạy cho đối tượng này) bố trí học vào hai học phần, số giờ học của SV 60 tiết, và chỉ có thời gian giảng dạy trực tiếp chứ không còn thảo luận. Với khối lượng kiến thức không thay đổi, trong khi thời lượng giảng bài giảm đi đáng kể, nếu sử dụng phương pháp giảng dạy thông thường (chủ yếu là thuyết trình và giảng giải) để giải quyết lần lượt từng bài thì sẽ dẫn đến tình trạng SV bị quá tải trong khi lĩnh hội kiến thức trong một giờ học. Điều đó đặt ra cho nhà trường và GV của bộ môn cần lựa chọn PPDH phù hợp hơn để giúp SV nắm được toàn bộ kiến thức trong nội dung chương trình một cách nhanh nhất. Trên cơ sở đó, các em biết cách triển khai trong quá trình tự học và vận dụng linh hoạt vào thực tiễn nghề nghiệp sau này.

Chúng tôi đặt ra giả thiết rằng, với thực trạng nội dung chương trình môn học LL & PP GDTC đã nêu trên, có thể sử dụng các PPDH tích cực, nói riêng sử dụng sơ đồ trong quá trình dạy học nhằm khái quát các nội dung chính của bài giảng, sau đó đi sâu vào những kiến thức trọng tâm, đồng thời sử dụng chính sơ đồ để kết nối các kiến thức lý luận vào thực tế giảng dạy và tập luyện các môn thể

thao sau này. Phương án này có thể mang lại hiệu quả tích cực trong quá trình dạy và học.

### **3.1.2. Thực trạng dạy học môn lý luận và phương pháp giáo dục thể chất và nhận thức của giảng viên về phương pháp dạy học bằng sơ đồ**

#### **3.1.2.1. Thực trạng dạy học môn lý luận và phương pháp giáo dục thể chất Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh**

Để đánh giá thực trạng dạy học môn LL & PP GDTC, chúng tôi tiến hành đánh giá theo hai nội dung: Thực trạng trình độ đào tạo, thâm niên công tác của GV dạy môn LL & PP GDTC và thực trạng sử dụng PPDH của GV. Cụ thể như sau:

#### **Thực trạng trình độ đào tạo, thâm niên công tác của GV dạy môn LL & PP GDTC:**

Về đặc điểm chung: Hiện nay bộ môn LL TDDT có 4 GV với tuổi đời còn tương đối trẻ (4/4 GV đều dưới 40 tuổi) đồng nghĩa với việc thâm niên công tác chưa nhiều. (dưới 15 năm). Tuy nhiên 4/4 GV đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên, 1 GV là tiến sĩ và 1 NCS.

Về thành tích giảng dạy: 4/4 GV đều là đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp trường. Ngoài ra, trong những kỳ hội giảng gần đây (từ năm 2007 trở lại đây) các GV bộ môn LL TDDT đều tham gia đầy đủ với thành tích cao.

Như vậy có thể thấy, GV dạy LL mặc dù có tuổi đời còn rất trẻ nhưng đều là những người có trình độ, chuyên môn tốt, nhiệt huyết công tác đáp ứng được yêu cầu môn học.

#### **Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học của giảng viên:**

Chúng tôi thấy: hầu hết GV chủ yếu chỉ sử dụng các PPDH truyền thống, trong đó, hai phương pháp được sử dụng nhiều nhất là thuyết trình, và trực quan, tỷ lệ các phương pháp còn lại chỉ chiếm không quá một phần ba (dưới 30%).

Riêng với PPDH bằng sơ đồ, các GV đã bắt đầu sử dụng vì nhận thức được những ưu điểm của nó, nhưng chưa thường xuyên. Qua điều tra chúng tôi thấy, các GV cho rằng sử dụng sơ đồ khi lên lớp rất thuận tiện, tuy nhiên, để chuẩn bị cho một giờ học với PPDH bằng sơ đồ tốn khá nhiều thời gian soạn bài. Mặt khác, họ cũng chưa nắm vững cách thức sử dụng phương pháp này cũng như các công cụ, các phần mềm vẽ sơ đồ phù hợp với nội dung bài giảng, vì vậy, họ chỉ sử dụng cho một số tiết học đặc biệt (bình giảng, hội giảng).

Để đảm bảo tính khách quan hơn, chúng tôi cũng đã tiến hành phỏng vấn 30 GV dạy lý thuyết ở trường Đại học TDDT Bắc Ninh và 10 GV dạy môn LL & PP GDTC ở một số trường ĐH TDDT trong cả nước về thực trạng sử dụng PPDH trong quá trình lên lớp. Kết quả thu được cũng giống kết quả phỏng vấn GV môn LL & PP GDTC ở trường ĐH TDDT Bắc Ninh. Các GV chủ yếu chỉ sử dụng các PPDH truyền thống. các PPDH khác đã được đưa vào nhưng chưa thường xuyên.

Riêng với PPDH bằng sơ đồ, các GV đã cũng chủ yếu cũng chỉ sử dụng trong các giờ học bình giảng, hội giảng.

Để tìm hiểu rõ nguyên nhân tại sao các GV chưa PPDH bằng sơ đồ thường xuyên, chúng tôi tiếp tục tìm hiểu:

#### **3.1.2.1. Thực trạng nhận thức về phương pháp dạy học bằng sơ đồ của giảng viên.**

Nhằm đánh tìm hiểu nhận thức của GV về PPDH bằng sơ đồ, chúng tôi tiến hành đánh giá hai nội dung: Thực trạng nhận thức của GV về vị trí của PPDH bằng sơ đồ; Thực trạng nhận thức của GV về ưu, nhược điểm của PPDH bằng sơ đồ, cụ thể như sau:

#### **Thực trạng nhận thức của GV về vị trí của PPDH bằng sơ đồ.**

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi 04 GV dạy môn LL & PPGDTC ở Trường Đại học TDDT Bắc Ninh để tìm hiểu nhận thức của họ về vị trí của PPDH bằng sơ đồ. Ngoài ra, để đảm bảo tính khách quan cũng như có cơ sở để so sánh, chúng tôi cũng tiến hành phỏng vấn 30 GV dạy các môn lý thuyết ở Trường Đại học TDDT Bắc Ninh và 10 GV dạy môn LL & PPGDTC ở một số Trường Đại học có đào tạo cử nhân GDTC. Kết quả cho thấy

Hầu hết các GV đều cho rằng PPDH bằng sơ đồ chỉ là một trong những phương án của PPDH trực quan. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm này. Kết quả nghiên cứu ở chương một đã chỉ ra rằng PPDH bằng sơ đồ được xem như một phương pháp trong nhóm các PPDH trực quan.

Một kết quả khả quan nữa là phần lớn GV đã nhận định đúng khi cho rằng sơ đồ như là một phương tiện để thực hiện PPDH bằng sơ đồ; chứ chưa phản ánh đầy đủ một PPDH.

Với quan điểm không có một PPDH nào là vạn năng trong giáo dục, PPDH bằng sơ đồ cũng vậy thì có trên 80% GV đồng ý, đây là lựa chọn đúng, bởi lẽ nếu không kết hợp với các phương pháp giảng dạy khác thì PPDH bằng sơ đồ khó có thể chi tiết, cụ thể hóa và mở rộng trong quá trình truyền đạt đến SV. Vì vậy cần sử dụng PPDH bằng sơ đồ kết hợp với các PP DH khác nhằm khai thác lợi thế cũng như khắc phục những yếu tố còn hạn chế của nó.

#### **Thực trạng nhận thức của giảng viên về ưu điểm của phương pháp dạy học bằng sơ đồ.**

Các GV dạy môn LL & PP GDTC cũng như các GV lý thuyết khác đã nhận thức đúng khi cho rằng PPDH bằng sơ đồ diễn đạt được cô đọng và làm rõ cấu trúc nội dung kiến thức, tuy nhiên vẫn còn GV phân vân vì họ chưa nắm vững đặc điểm của PPDH bằng sơ đồ cũng như chưa sử dụng phương pháp này thường xuyên.

Với quan điểm: PPDH bằng sơ đồ truyền đạt được nhiều kiến thức trong điều kiện ít thời gian thì có đến trên 80% GV lựa chọn. Sơ đồ có thể biểu diễn tương đối tổng quát toàn bộ nội dung bài giảng. Vì vậy, nếu không có nhiều thời gian, GV có thể tóm tắt bài giảng qua sơ đồ và chọn lọc những kiến thức trọng tâm để phân tích cho SV.

Chỉ có dưới 20% GV đồng ý rằng PPDH bằng sơ đồ phù hợp với hoạt động tự học của SV ở đại học, trong khi đó trên 80% GV phân vân, họ giải thích rằng điều này chỉ đúng trong trường hợp GV cũng sử dụng sơ đồ trong quá trình lên lớp và đã hướng dẫn SV phương pháp tự học thông qua các sơ đồ. Nhận định này hoàn toàn hợp lý, bởi khi SV được làm quen với sơ đồ trong quá trình học

trên lớp và được hướng dẫn tự học với sơ đồ thì các e mới có thể vận dụng được trong quá trình tự học.

Các GV lựa chọn trong câu hỏi “PPDH bằng sơ đồ phù hợp với học phần lý thuyết dạy học TDTT là những GV đã sử dụng PPDH bằng sơ đồ trong quá trình lên lớp, nhưng chưa thường xuyên. Mặc dù nhận thấy phương pháp này rất phù hợp để giảng dạy vì dễ gây sự chú ý và hứng thú của người học, nhưng để chuẩn bị một giáo án mất nhiều thời gian, trong khi giáo án cũ vẫn đang có. Vì vậy, hầu hết GV chỉ đầu tư soạn giáo án và giảng dạy với PPDH bằng sơ đồ trong những giờ hội giảng, bình giảng để mang lại kết quả cao.

Ở các câu hỏi liên quan đến thế mạnh nổi trội của PPDH bằng sơ đồ, các GV lựa chọn các phương án trả lời không tập trung, trải đều ở hai phương án trả lời: đồng ý và phân vân. Điều này cho thấy, GV chưa nắm vững bản chất, đặc điểm cũng như cách thức sử dụng PPDH bằng sơ đồ. Vì vậy họ không dám khẳng định những nhận định mà luận án đưa ra là đúng. Thậm chí có đến hơn nửa GV chưa phân biệt được hoặc còn phân vân với nhận định PPDH bằng sơ đồ giúp cho việc hệ thống các khái niệm về mặt nội hàm hay ngoại diên (câu hỏi số 8 và 9). Theo LLDH, thì hoạt động phân chia, hệ thống hóa các khái niệm dựa trên ngoại diên của chúng, chứ không phải dựa trên nội hàm của các khái niệm.

Vấn đề chưa nhận định đúng đắn về PPDH bằng sơ đồ còn được biểu hiện ở nhận định: “PPDH bằng sơ đồ chỉ phù hợp để dạy khái niệm vì dễ dàng xác lập các mối quan hệ giữa các khái niệm”, chỉ có phân nửa GV đồng ý. Chúng tôi cho rằng, PPDH bằng sơ đồ trước hết là một PPDH, cho nên có thể sử dụng trong nhiều tình huống, không chỉ để dạy khái niệm. Mặc dù nếu dùng PP này để hệ thống hóa xác lập các mối quan hệ giữa những khái niệm thì khá hiệu quả. Tức là, GV còn có thể sử dụng PP này cho cả những tình huống dạy kiến thức khác.

Từ những phân tích trên, chúng tôi thấy: mặc dù nhiều GV đã hiểu được ưu điểm của PPDH bằng sơ đồ, nhưng một số nguyên nhân khiến cho họ chưa sử dụng thường xuyên là bởi chưa nắm vững được nội dung và cách thức triển khai thực hiện PPDH này.

#### **Thực trạng nhận thức của giảng viên về hạn chế của phương pháp dạy học bằng sơ đồ.**

Có khoảng 50-60% GV đã nhận thức tương đối đầy đủ. Bên cạnh đó có đến 40%-50% GV chưa thấy hết ưu điểm, nhược điểm, hạn chế và điều kiện để thực hiện PPDH bằng sơ đồ dẫn đến việc sử dụng lạm dụng và một cách hình thức.

Chúng tôi quan tâm đến những hạn chế nổi bật của PPDH bằng sơ đồ như: nếu không kết hợp với các phương pháp giảng dạy khác thì PPDH bằng sơ đồ khó có thể chi tiết, cụ thể hóa và mở rộng kiến thức, điều này hoàn toàn hợp lý bởi lẽ không có PPDH nào khi sử dụng độc lập mà mang lại hiệu quả tuyệt đối, cần có sự kết hợp thống nhất các PPDH với nhau nhằm mang lại hiệu quả tối ưu cho bài giảng.

Ngoài ra, sử dụng PPDH bằng sơ đồ thường sẽ gặp khó khăn trong quá trình diễn giải, trình bày sơ đồ và sơ đồ hóa kiến thức đó. Đây cũng là lý do cơ

bản dẫn đến việc GV không sử dụng thường xuyên PPDH này khi họ không hiểu rõ đặc điểm cũng như cách thức sử dụng nó. Chính vì vậy, việc nghiên cứu quy trình ứng dụng PPDH bằng sơ đồ sẽ giúp ích rất nhiều cho GV trong quá trình vận dụng vào thực tế dạy học.

Với quan điểm PPDH bằng sơ đồ gặp khó khăn khi trình bày nội dung bài dạy, người học khó nắm được nội dung cụ thể của từng kiến thức trong sơ đồ thì tỷ lệ phân vân và không đồng ý của GV khá cao. Tất nhiên, với PPDH bằng sơ đồ, các ý tưởng về nội dung bài giảng được sơ đồ hóa một cách khái quát. Tuy nhiên, trình chiếu sơ đồ kết hợp với giảng giải của GV sẽ giúp SV nắm được logic của bài học và triển khai từ khái quát đến những kiến thức cụ thể trong nội dung bài giảng. Cách làm này không những giúp SV hiểu bài ngay tại lớp mà còn giúp các em nhớ lâu hơn.

Có thể nhận thấy: Về cơ bản, GV dạy môn LL & PPGDTC đã hiểu một cách sơ bộ về PPDH bằng sơ đồ, nhận định đúng về vai trò cũng như vị trí của nó trong tổng thể các PPDH đã, đang và sẽ sử dụng. Tuy nhiên, tỷ lệ GV chưa nắm được hoặc còn đang phân vân về những hạn chế của PPDH này vẫn còn chiếm tới phân nửa, chính vì vậy mà họ không sử dụng nó thường xuyên.

Chúng tôi cho rằng, cần tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong các tổ bộ môn để bồi dưỡng thêm cho GV những kiến thức có liên quan đến đặc điểm cũng như ưu nhược điểm của PPDH bằng sơ đồ để họ nắm vững hơn, sử dụng thường xuyên hơn nhằm phát huy thế mạnh của PP này.

#### **3.1.3. Thực trạng học tập môn Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.**

##### **3.1.3.1. Đặc điểm học tập của sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.**

Sinh viên ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh phải học tổng số 51 môn học, khối lượng giờ trên lớp 2460 tiết, tương ứng là 136 tín chỉ, trong đó có 930 tiết thể thao và 900 tiết học lý luận ngoài ra các em còn 630 tiết học thực tập và khóa luận tốt nghiệp. Như vậy hoạt động thể lực của SV Trường Đại học TDTT là nhiều. Đó là sự khác biệt cơ bản về đặc điểm học tập của SV Trường Đại học TDTT với các Trường Đại học khác.

Chúng tôi tiến hành thống kê kết quả học tập trong năm học đầu tiên của SV đại học khóa 51 ngành GDTC, là khóa học đầu tiên áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ, để so sánh kết quả học tập các môn lý thuyết và các môn thực hành của các em, kết quả điều tra cho thấy: Nhìn chung, các môn thực hành có điểm TBC cao hơn các môn lý luận. Cụ thể hơn có thể thấy, ở các môn thực hành, SV chủ yếu đạt điểm giỏi và khá. Nhưng điểm các môn lý thuyết của các em lại kém hơn và chủ yếu ở mức khá, trung bình và thậm chí là trung bình yếu.

Một trong những lý do được kể đến là kế hoạch học tập của nhà trường sắp xếp các môn học lý thuyết và thực hành đan xen nhau, Mặc dù đã có thời gian nghỉ giữa các môn học tương đối dài (40 phút) nhưng có thể SV chưa hồi phục hoàn toàn trước khi bước vào các tiết học lý thuyết. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ học tập của SV. Do đó sử dụng PPDH cho các môn lý luận càng

có ý nghĩa quan trọng trong việc khơi gợi hứng thú và phát huy tính tích cực học tập của SV. Nếu PPDH phù hợp, SV sẽ tích cực học tập, quên đi mệt mỏi chủ quan và chú tâm vào bài giảng của GV. Ngược lại, PPDH không phù hợp sẽ làm cho SV cảm thấy đã mệt mỏi còn mệt mỏi hơn và không có hứng thú, dẫn đến chất lượng giờ học không đảm bảo.

Vì vậy chúng tôi cho rằng cần tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong các tổ bộ môn để bồi dưỡng thêm cho GV những hiểu biết cơ bản về bản chất, ưu, nhược điểm cũng như sự phù hợp của PPDH này trong dạy học môn LL & PP GDTC.

*3.1.3.2. Thực trạng học tập môn Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.*

Để có cơ sở đánh giá ảnh hưởng của PPDH đến nhận thức, thái độ của SV cũng như kết quả học tập của các em. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn SV khóa đại học 51 ngành GDTC, là đối tượng đầu tiên được học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ. Các nội dung phỏng vấn như sau:

**Thực trạng nhận thức của sinh viên về dạy học môn Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất.**

Ý kiến phản hồi của SV là một trong những thước đo chính xác hiệu quả PPDH. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi đối với SV khóa 51 ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh để tìm hiểu nhận thức của các em về PPDH môn học LL & PPGDTC. Số phiếu phát ra là 234, số phiếu thu về là 215 kết quả trình bày ở bảng 3. 18:

Kết quả bảng 3.18 cho thấy: phần lớn SV đã nắm được mục tiêu và yêu cầu của môn học, cho rằng môn học này có ý nghĩa quan trọng sau khi tốt nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng, nếu SV không nắm được vấn đề này, họ sẽ thiếu định hướng và học tập một cách thụ động. Vì vậy, việc SV nhận thức đúng đắn là một trong những tiền đề tốt để tiếp thu kiến thức thuộc nội dung chương trình.

Nhưng vẫn có một số ít SV cho rằng mục tiêu và yêu cầu của môn học chưa rõ ràng và chưa nhận thức được giá trị của môn học. Do đó, để đạt được hiệu quả cao hơn nữa, trong quá trình giảng dạy, GV cần quan tâm đến nhận thức của SV về vấn đề này. Có như vậy, SV mới có tâm thế sẵn sàng tiếp thu kiến thức môn học và duy trì hứng thú trong suốt quá trình học tập.

Tài trọng của môn học cho phép đánh giá khối lượng kiến thức có phù hợp với năng lực nhận thức của SV hay không. Trước đây khi giảng dạy theo phương thức đào tạo niên chế thì những PPDH mà GV vẫn sử dụng là phù hợp, điều này đã được khẳng định thông qua một số đề tài nghiên cứu khoa học của bộ môn LL TDTT,

Tuy nhiên khi chuyển sang đào tạo niên chế, thời lượng học trên lớp đã giảm đi đáng kể dẫn đến việc vẫn sử dụng các PPDH hiện hành không còn phù hợp nữa, làm cho SV cảm thấy căng thẳng do khối lượng kiến thức cần lĩnh hội trong một giờ học quá nhiều. Đây là thực trạng đáng quan tâm của các cán bộ quản lý cũng như đội ngũ GV, cần thay đổi PPDH phù hợp với tình hình thực tế

sao cho có thể truyền tải đến SV đầy đủ kiến thức nhưng không làm các em cảm thấy quá tải trong quá trình học tập.

Khi khối lượng kiến thức quá nhiều, thời lượng ít thì các GV lâu năm, nhiều kinh nghiệm sẽ biết cách chọn lọc thông tin truyền tải sao cho SV nắm được kiến thức cơ bản, dành thời gian vấn đáp hoặc đi sâu vào kiến thức trọng tâm. Như vậy vừa giải quyết được nhiệm vụ của giờ học lại không gây áp lực với SV. Ngược lại, các GV trẻ, thường rất nhiệt tình nhưng thiếu kinh nghiệm và “tham kiến thức”, không muốn bỏ qua nội dung nào, dẫn đến tình trạng nhồi nhét, làm cho SV cảm thấy căng thẳng, thậm chí áp lực. Có đến 94.62 % SV cho rằng nội dung GV truyền đạt là quá nhiều làm SV không thể lĩnh hội hết kiến thức được trang bị.

Về việc ứng dụng các PPDH trong quá trình lên lớp: SV cũng cho rằng GV đã sử dụng nhiều PPDH, tuy nhiên chủ yếu là phương pháp thuyết trình, giảng giải. Ít sử dụng vấn đáp. Với phương pháp trực quan, họ sử dụng máy chiếu nhằm trình chiếu chữ viết thay thế cho phấn - bảng mà chưa khai thác tốt các phương tiện trực quan. Phần lớn SV nhận thấy GV ít khi sử dụng sơ đồ trong quá trình lên lớp. Điều này phù hợp với kết quả phỏng vấn GV về tình hình sử dụng PPDH, các GV sử dụng phương pháp này với tần suất thấp.

Việc sử dụng PPDH chưa phù hợp là lý do chính dẫn đến tình trạng SV không hứng thú học tập, chưa hiểu bài, và chưa nắm kiến thức một cách nhanh nhất. Và đặc biệt, họ chưa tìm được phương pháp tự học phù hợp.

Phương pháp dạy chưa phù hợp làm cho SV lý do chính dẫn đến tình trạng SV không hứng thú học tập, chưa hiểu bài, và chưa nắm kiến thức một cách nhanh nhất. Và đặc biệt, họ chưa tìm được phương pháp tự học phù hợp. Để giải quyết gánh nặng đó, cần thay đổi PPDH sao cho có thể giúp SV tóm lược được toàn bộ kiến thức môn học thông qua những sơ đồ cụ thể, trên cơ sở đó nắm được những kiến thức chính, cốt lõi cần đi sâu vào tìm hiểu bên cạnh những kiến thức ngoại diên mang tính chất giới thiệu. Sự thay đổi đó là phù hợp với xu thế dạy học hiện đại nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn LL & PP GDTC nói riêng và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nói chung.

Về vấn đề kiểm tra đánh giá: Hầu hết đều cho rằng khâu kiểm tra đánh giá của môn học là hợp lý, phản ánh được năng lực của SV. Có thể nhận thấy khâu kiểm tra đánh giá của môn học được tiến hành khá chặt chẽ và nghiêm, đúng quy chế, điều đó giúp SV có thái độ nghiêm túc hơn trong quá trình học và thi.

**Bảng 3.18. Kết quả phỏng vấn sinh viên về vấn đề dạy học môn học  
Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất (n=215)**

TT	Câu hỏi	Đồng ý		Phân vân		Không đồng ý	
		n	%	n	%	n	%
1	Mục tiêu của môn học được đề cập rõ ràng	201	93.35	5	2.22	10	4.43
2	SV đã được thông báo trước mọi mục tiêu và yêu cầu của môn học	211	98.10	4	1.90	0	0.00
3	GV đã chính thức thông báo trước cho SV biết phải chuẩn bị như thế nào cho môn học	211	98.10	4	1.90	0	0.00
4	Môn học này rất cần thiết cho SV sau khi ra trường	160	74.37	39	18.35	16	7.28
5	Chương trình của môn học là quá nặng.	195	90.82	4	1.90	16	7.28
6	Nội dung đề cập quá nhiều vấn đề	180	83.86	27	12.66	7	3.48
9	Thời lượng học trên lớp ít	199	92.72	5	2.53	10	4.75
10	GV truyền đạt rõ ràng nội dung bài giảng	154	71.63	45	20.93	16	7.59
11	GV thường xuyên động viên và giúp đỡ SV trong học tập.	102	47.44	21	9.77	14	6.51
13	Trong quá trình dạy học, GV thường xuyên hỏi để SV trả lời	12	5.58	50	23.26	153	71.16
14	GV thường thuyết trình là chủ yếu, ít khi vấn đáp SV	181	84.19	19	8.84	15	6.98
15	GV đã khai thác tốt các phương tiện trực quan khi giảng dạy nên SV rất dễ nắm bắt kiến thức	52	24.05	14	6.65	149	69.30
16	GV sử dụng máy chiếu chủ yếu là trình chiếu chữ viết thay thế cho phần - bảng.	130	60.47	59	27.44	26	12.09
17	GV đã sử dụng sơ đồ trong quá trình dạy học	16	7.44	35	16.46	14	6.65
18	Việc sử dụng các PPDH hiện nay của GV giúp SV hứng thú học tập	8	3.72	24	11.16	183	85.12
19	Việc sử dụng các PPDH hiện nay của GV giúp SV thấy dễ hiểu bài	7	3.26	14	6.51	194	90.23
20	Việc sử dụng các PPDH hiện nay của GV giúp SV nắm kiến thức một cách nhanh nhất	9	4.19	13	6.05	193	89.77
21	Việc sử dụng các PPDH hiện nay của GV giúp SV có phương pháp tự học tốt	10	4.65	15	6.98	190	88.37
22	Sau khi học xong LL & PP GDTC, SV đã nắm chắc kiến thức môn học	18	8.23	37	17.21	160	74.42
23	SV đã biết cách vận dụng kiến thức vào thực tiễn	16	7.44	20	9.30	179	83.26
24	SV nhận thấy mình biết cách học tập môn học này một cách hiệu quả tốt	174	81.01	20	9.49	20	9.49
25	GV đã sử dụng khá đầy đủ các phương pháp để đánh giá việc học và kết quả học tập của SV	169	78.80	31	14.56	14	6.65
26	Điểm thi của môn học phản ánh chính xác trình độ học tập của SV	188	87.34	16	7.28	12	5.38